



Suy giảm kinh tế 2008 – 2011 – một tác nhân tích cực thúc đẩy VN tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng hội nhập toàn cầu

Suy giảm kinh tế ở VN giai đoạn 2008 – 2010 và tiếp theo vào đầu năm 2011 diễn ra trong bối cảnh VN đang bước tới chiều sâu của hội nhập kinh tế toàn cầu. Do vậy hiện trạng suy thoái này, chịu áp lực đồng thời của 2 nhân tố: nội sinh và ngoại lực. Trong cả 2 “Đại lượng” đó, không thể thiên lệch về một bên nào, mà phải xem xét nó một cách cầu thị thấu đáo trong mối quan hệ tương tác giữa chúng.

1. Đánh giá cầu thị tình trạng suy giảm kinh tế giai đoạn 2008 – 2011.

Chỉ có đánh giá cầu thị tình trạng suy giảm kinh tế của thời kỳ này mới có thể tìm ra những giải pháp thích ứng cho tái cấu trúc kinh tế VN.

Tuy nhiên do cách tiếp cận khác nhau ngay từ bước khởi điểm của cuộc khủng hoảng này (2008 – 2010), cho nên cũng có nhiều cách nhận định khác nhau về nó. Song có thể quy về 2 quan điểm chủ yếu, là:

1.1 Quan điểm thứ nhất

Quan điểm này cho rằng hiện tượng lạm phát kinh tế những năm 2008 – 2010 là khá trầm trọng, hồi phục kinh tế phải có thời gian

GS.TS. NGUYỄN THANH TUYỀN

dài và nguyên nhân của nó là sự yếu kém trong điều hành kinh tế vĩ mô của NN và nghi ngờ những sách “nhảy cào” của Chính phủ nhằm kiềm chế lạm phát và phục hồi kinh tế. Có thể nói đây là cách nhận định khá phiến diện chủ quan và không thấy hết sự tác động của nội sinh, ngoại lực và đặc biệt khi mà VN đang hội nhập sâu vào kinh tế toàn cầu và tính chất thời đại có những đổi thay. Với sự nhận định phiến diện đó, thì không dễ tìm thấy những lời giải hữu hiệu để tháo gỡ nó.

1.2 Quan điểm thứ hai

Giữa năm 2008 chỉ số CPI lên đỉnh điểm và tiệm cận 20% so với năm 2005 – nhưng cũng không thể kết luận ở thời điểm đó kinh tế VN đang suy thoái, bởi: kinh tế đang tăng trưởng (năm 2007 là 8%). Ở điểm cao của lạm phát (2008) các chỉ tiêu kinh tế đều gia tăng, đơn cử: giá trị sản lượng công nghiệp tăng 16,4%, xuất khẩu tăng 27,7%, các hoạt động dịch vụ tăng 27,2%, vốn đầu tư nước ngoài đăng ký đến tháng 06/2008 tăng 160%, lương thực ổn định và xuất khẩu 4,5 triệu tấn. Nhìn vào các dữ liệu trên, khó có thể nói rằng ở thời điểm này nền

kinh tế VN đang trong tình trạng suy thoái. Nhưng trên thực tế VN không thể tránh được lạm phát, bởi đây là tác động của cuộc khủng hoảng toàn cầu, trong khi VN đang tiến sâu vào hội nhập kinh tế quốc tế (khác với khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997, VN đứng ngoài hội nhập). Do vậy, cuộc khủng hoảng kinh tế VN chịu sự tác động rất lớn từ ngoại lực mà không đủ sức đề kháng bởi vốn dĩ vẫn là một nước kinh tế đang phát triển, nếu không nói là lạc hậu. Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu, kim ngạch xuất khẩu của VN bị giảm sút đáng kể, mà kim ngạch xuất khẩu đó lại chiếm 70% GDP của cả nước. Đây là tác nhân tố quan trọng ảnh hưởng lớn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế VN. Bên cạnh đó VN còn chịu nhiều áp lực của đồng đôla giảm giá trong năm 2008 đầu 2009 và nhập siêu gia tăng tới 55,3% so với năm 2007. Theo đó là giá xăng dầu tăng liên tục làm ảnh hưởng liên hoàn đến các loại giá khác trong và ngoài nước. Giá vàng gia tăng bất thường ảnh hưởng không nhỏ đến sự biến động tiêu cực của thị trường BĐS, lâu nay vốn có nhiều “ưu thế” và ngay cả nguồn tài chính quan trọng của NSNN. Như vậy, yếu tố “nhập

khẩu” lạm phát có vị thế không nhỏ trong cuộc khủng hoảng kinh tế này hòa cùng lạm phát nội sinh đã làm cho nền kinh tế VN thật sự suy giảm. Nhìn chung, đây cũng là cuộc khủng hoảng mang tính quy luật của chu trình kinh tế thế giới, ví như quá trình kinh tế - XH phát triển theo đường “xoắn ốc”. Điều này cũng đồng nghĩa trong quá trình phát triển, cái cũ được thay thế dần bằng các nhân tố mới, tích cực hơn, phù hợp hơn, nhưng cái cũ cũng không tự phủ định ngay mà cần phải có thời gian theo qui luật chuyển hoá lượng thành chất.

Cuộc khủng hoảng 2008–2010, từng có tác động xấu đến kinh tế VN, nhưng nó cũng mang lại nhiều nhân tố tích cực hay “động lực” cho việc tìm đến cơ hội: Phá vỡ cục bộ hay toàn cục cơ cấu kinh tế cũ, xác lập mặt bằng giá mới, tái thiết trật tự kinh tế mới, tạo dựng nền móng vững chắc cho sự phát triển bền vững theo xu hướng toàn cầu hoá.

1.3 Hiệu quả của đối sách kiềm chế lạm phát ở VN thời kỳ 2008 – 2010

Nếu kinh tế VN “hòa” vào cuộc khủng hoảng tài chính quốc tế với đỉnh điểm chỉ số CPI lên đến gần 20% vào giữa năm 2008. Trước động thái đó, Chính phủ VN đã ứng phó kịp thời bằng các giải pháp hữu hiệu để kiểm soát và kiềm chế lạm phát. Hệ thống các giải pháp đó được thực hiện bằng 2 đối sách, là: đối sách “tức thời” hay “nhảy cảm” mang tính tình thế, nhằm kiểm soát nhanh “cao trào” của lạm phát và thứ hai là đối sách căn cơ (chiến lược) với 8 giải pháp điều tiết vĩ mô lạm phát của Chính phủ. Các giải pháp này tỏ ra có hiệu lực và đưa dần kinh tế VN từng bước hồi phục. Dấu hiệu đó thể hiện khá rõ vào giữa năm 2009

và 2010. Điều này thể hiện : kinh tế vẫn tăng trưởng tuy có giảm (5% so với 6,5% GDP của năm 2008), chỉ số giá giảm dần dưới 2 con số, TTCK khởi sắc, các chỉ tiêu kinh tế khác điều khả quan. Tính hiệu quả của điều hành kinh tế vĩ mô đã được WB đánh giá cao (9/6/2008) : “có những dấu hiệu cho thấy gốc chính sách bình ổn kinh tế của VN đã tỏ ra hiệu quả...”. Cũng nhận định của WB tháng 9/2008 “VN vượt qua 2008 khá thành công dù phải đối phó với 2 cái sốc nội sinh và ngoại lực”. Và vào đầu năm 2010 WB đã nhận định : “Chính phủ VN đã mau chóng vượt qua giai đoạn khó khăn và lèo lái nền kinh tế khá tốt. Chính ý thức rõ ràng rủi ro gây nên, đã áp dụng các giải pháp thích ứng”.

2. Vì sao năm 2011 CPI lại tái gia tăng?

Cuối năm 2010 CPI đã đi vào ổn định và chỉ số giá không vượt quá 10% so với năm 2009. Nhưng vào giữa quý II/2011 chỉ số giá lại bùng phát có thời điểm lên đến 17% so cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tăng có nhiều nguyên do như “dư âm” còn đọng lại của tăng giá sau Tết Nguyên đán, việc tạm thời biến động của giá cả nông sản thực phẩm và sự điều chỉnh giá có giới hạn của NN đối với những mặt hàng chủ lực (xăng dầu, điện tử...). Theo đó là áp lực của giá cả quốc tế thông qua nhập siêu, biến động của tỷ giá hối đoái và sự gia tăng hiện tượng đôla hoá, cũng như ảnh hưởng trôi sụt của giá vàng; ngoài ra là tác động tăng lãi suất tín dụng; mặt khác là kinh tế thế giới còn nằm trong tình trạng suy giảmChỉ số giá tăng ảnh hưởng không nhỏ đến tăng trưởng kinh tế và an sinh XH. Nhưng hiện tượng chỉ số giá tăng trong giai đoạn này

có hoàn toàn gây tác hại không? Lâu nay chúng ta chỉ quen nhìn mặt trái của dấu hiệu chỉ số giá tăng mà quên đi những tín hiệu tích cực của nó, khi mà từ trong đó nó mang đến “thông điệp” về sự diễn tiến của quá trình xác lập trật tự kinh tế mới mặt bằng giá mới, thiết chế kinh tế mới có tính toàn cầu mà trong khi đó VN đang tiến sâu hơn vào công cuộc hội nhập kinh tế thế giới. Do vậy nếu nhìn 1 cách thấu đáo, thì hiện tượng gia tăng chỉ số trong những thời điểm này, chưa thể nói rằng nền kinh tế VN đang suy thoái hoặc khủng hoảng có tính nguy cấp. Mà thực chất là nó đang trong trạng thái chuyển hoá tích cực hướng tới mặt bằng kinh tế quốc tế theo xu thế hội nhập. Do vậy việc xác lập mặt bằng giá mới ở VN trong giai đoạn này là một đòi hỏi khách quan và lẽ ra nó đã diễn ra sớm hơn. Vì thế, việc hình thành mặt bằng giá mới ở thời điểm này cũng là hợp qui luật. Mặc dù nó có thể là nhân tố tạm thời gây khó khăn cho nền kinh tế nhưng đồng thời cũng mang lại những nhân tố tiếp sức cho những tiền đề để kinh tế VN hội nhập vững chắc với kinh tế quốc tế trên các phương diện như: tiếp cận với mặt bằng giá cả quốc tế, tạo sự công bằng và chuẩn mực hơn trong cán cân thanh toán quốc tế, xác định chuẩn xác hơn giá trị GDP VN so với quốc tế và xích lại gần hơn trong thước đo thu nhập bình quân đầu người với mặt bằng thế giới. Sau đó sẽ là chu kỳ bình ổn giá cả làm hậu thuẫn cho 1 chu trình kinh tế mới.

Tuy nhiên NN cần có giải pháp để đưa dần nó vào thế ổn định và tất cả các giải pháp đó đều có liên quan đến phục hồi kinh tế VN theo hướng hội nhập bền vững và đương nhiên các giải pháp đó không thể là

các giải pháp hành chính như : cấm tư nhân lưu thông vàng miếng, cấm hoạt động sàn giao dịch vàng...mà chủ yếu là các giải pháp kinh tế tức là sử dụng các biện pháp kinh tế để điều hành nền kinh tế , trên cơ sở tôn trọng các qui luật khách quan và các nguyên tắc kinh tế thị trường.

3. Các giải pháp tiếp tục kiềm chế lạm phát, tái cấu trúc kinh tế VN thời hậu suy giảm

Đó phải là 1 hệ thống các giải pháp đồng bộ. Các giải pháp đó được hướng vào 3 nội dung chính yếu :

Thứ nhất, gia cố các tiền đề cho tái cấu trúc kinh tế bền vững

Thứ hai, xác định điểm khởi đầu của tái cấu trúc làm hậu thuẫn cho cả quá trình.

Thứ ba, tái cấu trúc kinh tế phải phù hợp với mục tiêu HĐH và xu thế hội nhập toàn cầu.

3.1 Gia cố các tiền đề cho tái cấu trúc kinh tế bền vững, tập trung vào 3 tiêu điểm

Tái lập mô hình tăng trưởng kinh tế (xác lập mô hình mới về tăng trưởng kinh tế). Thực chất là chuyển mô hình kinh tế tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng sang mô hình tăng trưởng theo chiều sâu với trụ cột là 5 ngành kinh tế mũi nhọn của tiến bộ khoa học công nghệ: công nghệ thông tin truyền thông, công nghệ sinh học, CN tự động hoá, CN vật liệu mới, công nghệ năng lượng mới; phát triển mạnh các sản phẩm có giá trị gia tăng nhanh và sản phẩm chất lượng cao thuộc thế mạnh nội sinh, nhằm đẩy nhanh công cuộc CNH và HĐH dự kiến hoàn thành cơ bản vào năm 2020 đồng thời tạo nền móng cho sự phát triển và ổn định.

Với mô hình đó, đòi hỏi cấu trúc kinh tế VN phải chuyển biến

mạnh mẽ theo các hướng sau :

Thứ nhất, tái cấu trúc giá trị các sản phẩm cấu thành GDP chủ yếu từ trình độ công nghệ thấp, thâm dụng nhiều lao động sang các sản phẩm có hàm lượng chất xám cao và các dịch vụ cao cấp.

Thứ hai, chuyển đổi mô hình XK (kim ngạch XK chiếm gần 70% GDP) với các sản phẩm “thô” có kim ngạch XK cao nhưng lượng tích lũy tiền tệ thấp (dầu thô, khoáng sản, than), dệt, da, may mặc...) sang XK sản phẩm công nghệ cao, các sản phẩm có giá trị gia tăng nhanh. Đồng thời điều chỉnh “cân đối” giữa thị trường quốc tế và thị trường nội địa, trên nguyên tắc coi trọng thị trường nội địa.

Thứ ba, thay đổi kết cấu nguồn thu NSNN từ các nguồn có tỷ trọng lớn như: xuất khẩu dầu thô, BDS (có những địa phương thu ngân sách từ BDS chiếm 40%) và các khoản thu kém bền vững sang các khoản thu ổn định từ công nghệ, dịch vụ chất lượng cao.

3.2 Ổn định kinh tế vĩ mô

Để ổn định kinh tế vĩ mô, làm chỗ dựa vững chắc cho phục hồi và tái cấu trúc kinh tế theo hướng hội nhập toàn cầu sau khủng hoảng, cần tập trung giải quyết các đối sách cơ bản sau đây:

Ổn định chính sách tiền tệ: trong đó trọng tâm là chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ, theo nguyên tắc quản lý chặt chẽ các quan hệ tiền tệ (không nhất thiết theo công thức “thắt chặt tiền tệ” một cách cứng nhắc).

Về chính sách tài khoá: duy trì mức bộ chi NS dưới 5% GDP, đồng thời tăng thu NS không dưới 9%. Cắt giảm đầu tư công các công trình kinh tếXH chưa thật thiết yếu và bức bách, ít hiệu quả xuống tới thiểu 20%, mở rộng hình thức hợp

tác công tư (PPP) và khuyến khích đầu tư của tư nhân với chính sách cởi mở. Đồng thời triệt để tiết kiệm chi tiêu hành chính như: hội họp, mua sắm và thắt chặt các khoản chi tiêu dùng không thiết yếu. Theo đó là xoá bỏ triệt để cơ chế xin – cho. Bởi nếu không hiện diện của cơ chế này, ắt không có đầu tư quá dàn trải, lãng phí, kém hiệu quả và tình trạng tham nhũng tràn lan trong sử dụng vốn NSNN.

Về chính sách tiền tệ : Cùng với quá trình ổn định kinh tế, kéo dài lãi suất NH dưới mức 14% và cho vay không vượt 18%, để đến năm 2012; phục hồi dần lãi suất của 2010.

Song song đó là ổn định và hạ dần tỷ giá hối đoái, đồng thời giảm dần sự cách biệt về tỷ giá hối đoái (USD) giữa thị trường “nhà nước” với thị trường tự do theo nguyên tắc thị trường thực thụ. Tăng cường dự trữ ngoại hối để ứng phó với biến động của giá USD và các ngoại tệ mạnh. Một khía cạnh khác là cần tập trung hoá NH giảm các NH như (chỉ chiếm tối đa 30%) và mở cửa cho NH nước ngoài đầu tư để gia tăng sức mạnh về tiềm lực tiền tệ. Bên cạnh đó, là ổn định TTCK bằng việc chống đầu cơ chứng khoán và đầu tư “CK ảo”. Phấn đấu kéo CPI xuống dưới 17% trong năm 2011 và giảm dần vào năm 2012. Mặt khác cũng không xem nhẹ các tác động tiêu cực của thị trường vàng bằng việc dự trữ vàng ở mức hợp lý và quản lý chặt chẽ lưu thông vàng trong điều kiện hiện nay.

3.3 Điều chỉnh chính sách BDS

BDS đang là yếu tố nhạy cảm, đồng thời cũng là 1 tác nhân tham gia làm suy giảm kinh tế VN trong thời gian qua. Bởi ở VN chưa có 1 chính sách BDS thích ứng, do vậy

đã tạo nên những cơ hội thuận lợi cho “đầu cơ BĐS” lan tỏa. Chính phủ nên đánh giá lại nó và thực hiện chính sách “thanh lọc” “đầu cơ địa ốc” thay “đầu tư địa ốc” thật sự vì lợi ích quốc tế dân sinh và hướng vào phúc lợi XH, bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. 4 Trả giá cả lại cho thị trường định đoạt :

Dẫu biết rằng thời gian qua, sự can thiệp để kiềm chế giá cả (giá cả thấp hoặc bằng giá trị) của Chính phủ để bảo đảm an sinh – XH có ý nghĩa rất lớn đối với lợi ích của quốc tế dân sinh. Nhưng đã đến lúc cần trả nó về với thị trường và tuân thủ quy luật cung – cầu XH, nhằm xác lập mặt bằng giá mới để “đắm thân” vào công cuộc hội nhập. Việc trả lại giá cả hàng hoá cho thị trường quyết định cũng chính là tạo cơ hội cho kinh tế VN phát triển thuận chiều và dần sâu vào công cuộc hội nhập toàn cầu - nhân tố bảo đảm cho kinh tế VN phát triển bền vững (đã đề cập ở phần trên).

Ngoài ra cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính để HC không còn là “một ma trận” nào cản kinh tế và không còn là kẻ hở cho tham nhũng. Mặt khác trong mọi chính sách kinh tế vĩ mô cũng không thể coi nhẹ nguyên tắc “NN giàu trước, dân chúng giàu sau”.

4. Các giải pháp tái cấu trúc kinh tế VN hậu khủng hoảng

4.1 Tái cấu trúc theo hướng nào?

VN đang thực hiện và hoàn thành công cuộc CNH và HĐH trong thời gian 10 năm còn lại có hiện thực không? Và nếu là hiện thực thì đòi hỏi phải thực thi nhiều biện pháp quyết liệt và đột phá.

Điều này đang vấn đề gây băn khoăn cho nhiều nhà kinh tế, khi mà VN chỉ vừa ra khỏi danh sách các nước nghèo và đứng ở mức

trung bình thấp. CNH nông nghiệp tạo nền tảng cho CNH đất nước còn ở mức độ quá thấp. Lao động trong khu vực nông nghiệp còn chiếm gần 70% lao động XH. Tỷ trọng giá trị các sản phẩm công nghệ cao còn chiếm quá khiêm tốn trong cấu thành GDP. Nếu so sánh với Malaysia và Thái land, cũng lấy mục tiêu hoàn thành CNH vào

Thứ nhất, tái cấu trúc chính sách điều hành kinh tế vĩ mô thực sự tuân thủ nguyên tắc thị trường và xu thế hội nhập toàn cầu.

Thứ hai, tái cấu trúc mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu 1 cách toàn diện đối với các ngành kinh tế quốc dân.

Thứ ba, thực hiện cải cách hành chính theo hướng : công khai –

Lâu nay chúng ta chỉ quen nhìn mặt trái của dấu hiệu chỉ số giá tăng mà quên đi những tín hiệu tích cực của nó, khi mà từ trong đó nó mang đến “thông điệp” về diễn tiến của quá trình xác lập trật tự kinh tế mới ...

năm 2020, thì VN còn chênh lệch xa, đơn cử Malaysia có thu nhập bình quân đầu người tính trên GDP là gần 9.000usd; Thailand trên 4.000usd còn VN mới hơn 1.000usd. Điều này thực không dễ đối với mục tiêu hoàn thành cơ bản CNH vào năm 2020 do Chính phủ VN ấn định; nếu VN tuân thủ đúng các chuẩn mực quốc tế.

Tuy nhiên mục tiêu của CNH cũng chính là mục tiêu cơ bản trong tiến trình tái cấu trúc kinh tế VN hậu khủng hoảng.

4.2 Tái cấu trúc khởi đầu từ đâu ?

Khi đề cập đến tái cấu trúc kinh tế, không thể tách rời sự đồng bộ của 2 yếu tố tác động trực tiếp đến nó, đó là : Tái cấu trúc thể chế kinh tế và tái cấu trúc nền kinh tế.

Tái cấu trúc thể chế kinh tế : là tái cấu trúc thượng tầng chính trị, mà theo Lenin : Chính trị không thể không đi đầu so với kinh tế, mặc dù kinh tế có vai trò quyết định đối với chính trị. Vậy khởi đầu trong tái cấu trúc thể chế kinh tế là gì? Theo chúng tôi đó là sự tái cấu trúc đồng thời 3 phương diện:

minh bạch – hiệu quả, để “hành chính” không phải “hành” là chính và không thể là một “ma trận” rào cản kinh tế.

Hậu khủng hoảng nền kinh tế phải được tái cấu trúc toàn diện. Tuy nhiên cần xem xét đầy đủ cuộc khủng hoảng toàn cầu vừa qua khởi đầu từ đâu? Để tìm ra khởi điểm của việc thực hiện tái cấu trúc nền kinh tế.

Cũng cần nhấn mạnh, nguyên nhân của cuộc khủng hoảng toàn cầu vừa qua xuất phát từ khủng hoảng tài chính – tiền tệ. Như vậy các quan hệ tài chính là nguyên nhân gây nên hậu quả của cuộc khủng hoảng này. Đó là quan hệ giữa “cái nhân” và “cái quả”. Để khắc phục “cái quả” đó, phải “chữa trị” “cái nhân”. Trị “cái nhân” là để tạo ra “cái quả” mới.

Trên góc nhìn khác, tài chính – tiền tệ luôn là công cụ kinh tế nhạy cảm nhất trong mọi không gian và thời gian, đặc biệt trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế. Do đó, nó giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong phát hiện, chấn trị, kiểm soát lạm

phát, đồng thời là công cụ điều tiết các quan hệ kinh tế.

Như vậy với hiện trạng kinh tế VN, để phục hồi và chấn hưng nó, phải khởi đầu từ hồi phục các quan hệ tài chính – tiền tệ, thông qua các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô của NN. Điều này đã được đề cập ở “mục 3” (3.1a, 3.1b)

Tuy nhiên để điều hành kinh tế vĩ mô có hiệu quả hơn đối với các công cụ tài chính – tiền tệ, cần có sự phối hợp 1 cách đồng bộ và hệ thống các chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ, bảo đảm quan hệ cân đối giữa cấp phát đầu tư – tín dụng – ngoại hối – giá cả - thị trường - dự trữ quốc gia..., theo đó là các giải pháp nhạy cảm mang tính ứng xử với các tình huống phát sinh.

Từ những phân tích trên có thể nhấn mạnh rằng, khởi đầu trong quá trình tái cấu trúc kinh tế hậu khủng hoảng là tái cấu trúc các quan hệ tài chính – tiền tệ thông qua các chính sách tương thích.

4.3 Tái cấu trúc các quan hệ thị trường có vị trí hàng đầu trong tái cấu trúc kinh tế hậu khủng hoảng:

Điều này được giải thích bởi mối quan hệ hữu cơ giữa phạm trù tài chính – tiền tệ và thị trường giá cả với tư cách là các huyết mạch trong giao lưu kinh tế và độ cộng hưởng về vốn tính nhạy cảm giữa chúng. Do vậy nếu khởi điểm của tái cấu trúc kinh tế hậu khủng hoảng là các quan hệ tài chính – tiền tệ, thì tiếp theo sau đó là tái cấu trúc thị trường mà chủ yếu là : quan hệ giữa thị trường quốc tế và thị trường quốc nội; thị trường tài chính và thị trường BĐS.

Tái cấu trúc quan hệ thị trường quốc tế và quốc nội :

Thị trường quốc tế thông qua XNK đã được đề cập (ở mục 3.1

chuyển đổi mô hình XNK). Ở đây chỉ nhấn mạnh về tái xác lập tương quan giữa thị trường quốc tế và quốc nội. Với cách nhìn đó, VN cần đẩy mạnh khai thác các tiềm lực của thị trường nội địa rộng lớn với hơn 80 triệu dân có như cầu tiêu dùng ngày càng gia tăng về số lượng và chất lượng sản phẩm. Sự phát triển thị trường nội địa cũng đồng nghĩa với giải phóng năng lực SX trên mọi cấp độ của nền kinh tế, tạo nhiều việc làm cho các tầng lớp dân cư, tăng cường cạnh tranh với hàng ngoại nhập; lần dần tỷ trọng hàng hoá VN trên thị trường quốc nội giảm nhập siêu, mở rộng tích lũy kinh tế quốc dân; đồng thời tạo thể chủ động và ổn định cung – cầu XH. Hiện nay với chính sách “người VN dùng hàng VN” cùng với các giải pháp tương ứng sẽ tạo sức sống mãnh liệt cho thị trường nội địa, góp phần ổn định kinh tế làm chỗ dựa cho tiến trình tái cấu trúc toàn diện và bền vững nền kinh tế VN sau suy thoái.

Tái cấu trúc thị trường tài chính – tiền tệ:

Điều này đã được trình bày (ở mục 3.2 về chính sách tài chính – tiền tệ)

Cần nhấn mạnh ở đây tính cấp thiết trong tái cấu trúc TTCK một thành tố trọng yếu của thành tựu TTTC. Như đã biết, từ năm 2006 đã xuất hiện các hiện tượng khởi mào “khủng hoảng” TTCK và đã bộc phát vào năm 2008, cộng hưởng vào đỉnh điểm của lạm phát. Nguyên nhân chính yếu là quản lý lỏng lẻo, tạo thành TTCK ảo (giá chuyển nhượng cổ phiếu gấp từ 5 – 12 lần mệnh giá), trong khi nền kinh tế không hề có sự tăng trưởng đột phá. Sự đặc lợi từ CK được chuyển vào TTBĐS làm sôi động thị trường này. Sự cộng hưởng của

2 thị trường đó đã tạo nên biến động mạnh khi “hòa nhập” vào khủng hoảng kinh tế (từ 2008) làm gia tăng sự điều đứng của nền kinh tế. Tái cấu trúc TTCK là 1 yêu cầu bức xúc và căn bản phải dựa trên các nguyên tắc: Công khai, minh bạch, lành mạnh. Đồng thời thực hiện hiệu quả các giải pháp chống đầu cơ chứng khoán, khắc phục tình trạng thông tin thiếu minh bạch để đánh vào tâm lý các nhà đầu tư, xác lập ranh giới rõ ràng giữa quản lý NN và quản lý kinh doanh TTCK.

Đồng thời ứng xử đúng luật đối với hành vi trái luật của các công ty chứng khoán.

Tái cấu trúc thị trường BĐS

Trong cuộc khủng hoảng này, thị trường BĐS biến động mạnh và ảnh hưởng nhiều mặt đối với kinh tế đại cục (vĩ mô). Nguyên nhân chính là do coi trọng lợi ích cục bộ, xem nhẹ nguyên tắc “đất đai là sở hữu toàn dân” (hiến pháp CHXHCN VN) và phúc lợi an sinh XH. Điều này đã nhanh chóng tạo ra 1 tầng lớp “tư sản mới” làm giàu cho cục bộ, thay vì phải làm giàu cho quốc gia. Do đó, trong đầu tư BĐS còn mang nhiều sắc thái “Đầu cơ”.

Để ổn định nó, cần phải khẩn trương hoàn thiện chính sách BĐS theo hướng lợi ích của quốc kế dân sinh. Thực hiện điều tiết hợp lý nguồn thu bằng các chính sách mới từ kinh doanh BĐS và NSNN; bảo đảm công bằng trong giao khoán cho thuê và sử dụng đất. Thực thi chính sách BĐS đặt lợi ích toàn dân lên hàng đầu. Nhanh chóng sử dụng các giải pháp có hiệu quả để chuyển hoá từ đầu cơ địa ốc sang đầu tư địa ốc; lành mạnh hoá thị trường BĐS, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, làm hậu thuẫn cho

quá trình tái cấu trúc kinh tế hậu thời khủng hoảng.

4.4 *Tái cấu trúc cơ cấu ngành kinh tế*

Sau khủng hoảng kinh tế việc thực hiện khởi đầu về tái cấu trúc tài chính – thị trường sẽ tạo lập môi trường thuận lợi và điều kiện tích cực để tái cấu trúc ngành kinh tế quốc dân. Nhưng để thực hiện tái cấu trúc ngành kinh tế 1 cách có hiệu quả, cần tuân thủ các nguyên tắc chung là :

Thứ nhất, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ từ đầu tư theo chiều rộng sang đầu tư theo chiều sâu; mà điểm xuất phát là HĐH công nghệ đối với các doanh nghiệp thuộc các ngành kinh tế.

Thứ hai, ưu tiên đầu tư vào các ngành kinh tế mũi nhọn của tiến bộ khoa học công nghệ, để tạo bước đột phá, tăng lực cho công cuộc CNH và tiếp cận với nền kinh tế tri thức.

Thứ ba, tái cấu trúc các ngành kinh tế luôn gắn với xu thế hội nhập toàn cầu.

Dựa vào các nguyên tắc cơ bản này để tiến hành cơ cấu lại các ngành kinh tế nhằm bảo đảm cho sự phát triển căn cơ và bền vững của nền kinh tế quốc dân.

Tái cấu trúc ngành công nghiệp theo hướng HĐH:

Cần nhấn mạnh trong điều kiện hiện nay việc thực hiện tái cấu trúc ngành CN phải theo hướng HĐH và hội nhập. Do đó trước tiên là phải nâng cao tỷ trọng sản phẩm hàng hoá có hàm lượng chất xám cao giá trị gia tăng nhanh, giảm thiểu các sản phẩm thuộc công nghệ thấp. Đặc biệt ưu tiên đầu tư vào các ngành kinh tế mũi nhọn: CNTT, CNSH, CNVL mới, CN tự động hoá và CN năng lượng mới, tạo ra bước tăng trưởng bức phá – như 1

cuộc “cách mạng” trong CN. Đồng thời tăng cường phát triển CN chế biến từ khai thác các năng lực và tiềm năng nội sinh thuộc lợi thế so sánh với quốc tế.

Tái cấu trúc công nghiệp theo hướng HĐH thực chất là xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển cân đối các ngành kinh tế quốc dân. Đồng thời là cơ sở để hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại và hội nhập toàn cầu.

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp – tạo nền móng vững chắc cho công cuộc CNH và HĐH:

Thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng CNH trong hơn 10 năm qua chưa thật rõ nét, trong khi đó là cơ sở để thực hiện CNH và HĐH đất nước từ 1 nước nông nghiệp lạc hậu. Do vậy cần gia tăng đáng kể đầu tư cho nông nghiệp: cơ giới hoá (1 phần tự động hoá, sinh học hoá, công thôn hoá và xây dựng mô hình nông thôn mới...). Bên cạnh đó, cần mở rộng hạn điền để tích tụ ruộng đất nông thôn, tổ chức SX lớn theo hướng CN, làm chỗ dựa cho tái cấu trúc nền nông nghiệp, phân công lại lao động nông thôn, nâng dần tầng lớp công nhân trong nông nghiệp giảm tỷ lệ lao động thuần nông (hiện chiếm gần 70%), nhằm cộng hưởng cùng tiến trình CNH đất nước. Điều này đòi hỏi cần có các giải pháp quyết liệt và đột phá.

Hướng đến các dịch vụ chất lượng cao theo chuẩn mực quốc tế:

Trước hết là các dịch vụ kinh doanh tài chính – tiền tệ? Hình thành các trọng tâm tài chính khu vực và quốc gia, hướng tới vị thế Đông Nam Á. Đẩy mạnh phát triển CNTT theo hướng hiện đại. Phát triển mạnh và đặc thù mạng lưới dịch vụ, du lịch quốc gia chất

lượng cao. Hiện đại hoá và đa dạng hoá hệ thống giao thông. Mở rộng thị trường thương mại, cạnh tranh quốc tế, đồng thời phát triển tương xứng thương mại điện tử...phù hợp với xu thế hội nhập.

Kết luận

Cuộc khủng hoảng kinh tế vừa qua đã mang lại không ít trở ngại cho nền kinh tế VN đang trong xu thế phát triển. Tuy nhiên nó cũng chứa chất nhiều nhân tố tích cực : Thúc đẩy VN nhanh chóng hoàn thiện điều hành kinh tế vĩ mô, tiếp tục đổi mới các chính sách kinh tế, thực hiện tái cấu trúc kinh tế theo hướng toàn cầu. Điều này , đồng thời vừa là 1 thách thức vừa mở ra cơ hội để kinh tế VN bức phá đến mục tiêu CNH và HĐH hoàn thành cơ bản vào năm 2020. Sự thành công hay cản ngại trên con đường phát triển của VN phụ thuộc rất lớn khả năng đẩy lùi thách thức và nắm bắt cơ hội của thời đại●

Tài liệu tham khảo

- Số liệu thống kê – Tổng cục thống kê – 6 tháng đầu năm 2011
- Số liệu thống kê – Cục thống kê TP.HCM – 6 tháng đầu năm 2011
- GSTS Nguyễn Thanh Tuyền : *Hoạch định chính sách tài chính thời kỳ hậu khủng hoảng* – Hội thảo khoa học Bộ tài chính – 01/2010.
- GSTS Nguyễn Thanh Tuyền : *Tái cấu trúc kinh tế VN thời hậu khủng hoảng* – Hội thảo khoa học do viện nghiên cứu lập pháp tổ chức 04/2011
- GSTS Nguyễn Thanh Tuyền : “Đánh giá hiệu quả các giải pháp kiềm chế lạm phát và xu hướng tái cấu trúc các quan hệ tài chính – thị trường hậu khủng hoảng”. Tạp chí *Tài chính – Marketing* ISSN – 1859 – – 11/2010
- Thời báo kinh tế* - tháng 1,2,3,4,5,6,7/2011
- Báo *SGGP* tháng 01 đến tháng 07/2011.